

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: **131/2019/DS-PT**

Ngày 15- 7- 2019

V/v tranh chấp “Quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà.

Các Thẩm phán: Ông Đào Chí Keo

Ông Cao Minh Lễ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Huỳnh Thanh Phước- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ ý số: 120/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp “Quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2019/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C2 Th, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 137/2019/QĐXX-PT ngày 03 tháng 06 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1941.

1.2 Bà Đặng Thị K, sinh năm 1948.

Cùng cư trú: Số 625, tổ 14, ấp Vĩnh H A, xã Cần Đ, huyện C2 Th, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Ngô Văn L, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Tổ 14, ấp Vĩnh H A, xã Cần Đ, huyện C2 Th, tỉnh An Giang (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1930.

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp Cần T, xã Cần Đ, huyện C2 Th, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

3.2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1936.

3.3. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1956.

3.4. Ông Nguyễn Văn Lă, sinh năm 1958.

3.5. Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1962.

3.6. Bà Nguyễn Thị Thu E, sinh năm 1967.

3.7. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968.

3.8. Ông Nguyễn Văn Tu, sinh năm 1973.

3.9. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1946.

Cùng cư trú: Tổ 2, ấp Vĩnh H A, xã Cần Đ, huyện C2 Th, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

3.10. Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1969 (Có mặt).

3.11. Chị Ngô Thị C1, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

3.12. Chị Ngô Thị Bé Ch1, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Tổ 14, ấp Vĩnh H A, xã Cần Đ, huyện C2 Th, tỉnh An Giang.

3.13. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1937 (Vắng mặt).

3.14. Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1943 (Có mặt).

Cùng cư trú: Tổ 23, ấp H L 3, thị trấn An C2, huyện C2 Th, tỉnh An Giang.

3.15. Ủy ban nhân dân huyện C2 Th, có trụ sở tại số 328, đường Lê Lợi, ấp H L 4, thị trấn An C2, huyện C2 Th, tỉnh An Giang (Xin vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Nh và bà Đặng Thị K là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Nh và bà Đặng Thị K trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà để lại cho cha mẹ là cụ Nguyễn Văn Thiệu, chết năm 1990 và cụ Nguyễn Thị Tuyết, chết năm 1992. Sau khi cha mẹ ông chết có để lại phần đất diện tích 2.151m² đất thổ cư và vườn tạp, ông bà quản lý, sử dụng ổn định và đã được UBND huyện C2 Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 07614 QSDĐ/dG ngày 05/10/2004 với diện tích 1.641.10m², thửa đất số 26, tờ bản đồ số 40.

Vào năm 1995, ông Ngô Văn L đến cất nhà ở trên phần đất do ông bà quản lý sử dụng và ông bà có ngăn cản, ông L cho rằng ông L đã mua của ông Nguyễn Văn B vào ngày 13/3/1993, có tổ trưởng xác nhận ngày 12/5/1996. Năm 1995 ông bà có gửi đơn đến Ban nhân dân ấp Vĩnh H A và chưa được mời làm việc thì ông B khởi kiện tranh chấp chia tài sản chung với ông bà diện tích 2.151m² ông bà đang sử dụng. Tòa án xử bác yêu cầu chia tài sản chung của ông B và các anh em của ông bà, Tòa án công nhận cho ông bà được quyền sử dụng diện tích đất trên tại Bản án sơ thẩm số 33/2008/DS-ST ngày 17/4/2008 của Tòa án nhân dân huyện C2 Th và Bản án số 414/2008/DS-PT ngày 08/9/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Nay ông bà yêu cầu ông Ngô Văn L phải tháo dỡ, di dời nhà trả lại cho ông bà phần đất thổ cư có diện tích 411,6m² tại các điểm 10, 11, 42 và 54 của Bản đồ hiện trạng ngày 01/7/2016 của Văn phòng Đ ký đất đai chi nhánh C2 Th mà ông L đã mua bán với ông Nguyễn Văn B và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05480 QSDĐ/dG ngày 16/3/2000 cấp cho hộ Ngô Văn L; Yêu cầu bồi thường thiệt hại 15 cây trồng ông L đã đốn nhưng do có trượt giá tăng gấp đôi với số tiền 37.600.000đ, gồm: 01 cây cà na đường kính 6 tấc trị giá 1.500.000đ; 01 cây cà na đường kính 5 tấc trị giá 1.250.000đ; 01 cây cà na đường kính 4 tấc trị giá 1.000.000đ; 01 cây trám bầu đường kính 4 tấc trị giá 1.000.000đ; 01 cây trám bầu đường kính 5 tấc trị giá 1.250.000đ; 02 cây gạo vàng đường kính 4 tấc trị giá 2.000.000đ; 01 cây gạo vàng đường kính 3 tấc trị giá 800.000đ; 01 cây vú sữa trắng đường kính 4 tấc trị giá 1.000.000đ; 02 cây xoài đường kính 5 tấc trị giá 3.000.000đ; 01 bụi tre gai 40 cây trị giá 800.000đ; 01 bụi tầm vông 50 cây trị giá 1.500.000đ; 01 cây bằng lăng đường kính 5 tấc trị giá 1.200.000đ; 01 cây xoài 1,75m trị giá 2.500.000đ.

Bị đơn ông Ngô Văn L trình bày:

Nguyên vào ngày 18/8/1993, ông và vợ ông là bà Nguyễn Thị Th1 có thỏa thuận mua một phần đất thổ cư của ông Nguyễn Văn Thiệu, bà Nguyễn Thị Tuyết cùng với người con là ông Nguyễn Văn B có diện tích 500m², hiện trạng là hầm cạn; tọa lạc ấp Vĩnh H A, xã Cần Đ, huyện C2 Th, tỉnh An Giang trị giá 03 chỉ vàng 24 kara. Bà Th1 là người trực tiếp thương lượng mua bán và làm giấy tay với ông B, có sự chứng kiến của bà Ngô Thị Tồn, ông Trần Văn Nhựt, ông Lê Văn Sĩ. Ngày 16/3/2000, ông và bà Th1 được UBND huyện C2 Th cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05480 QSDĐ/dG. Ông và bà Th1 đã cất nhà ở ổn định từ năm 1993 cho đến nay. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông Nh, bà K thì ông không đồng ý tháo dỡ nhà trả lại đất, vì đất ông mua hợp pháp. Đối với yêu cầu bồi thường các cây trồng đã bị đốn, ông không đốn cây trồng nên không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của ông Nh, bà K. Việc đốn chặt cây như ông Nh trình bày là do ông B đốn chặt. Ông cũng không có ý kiến đối với việc ông Nh nâng số tiền bồi thường lên gấp đôi. Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông không đồng ý. Do trong quá trình mua đất cất nhà ở ổn định không có tranh chấp và ông đã K khai, đo đạc, đăng ký cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất lần đầu theo đúng quy định của pháp luật có sự ký tên của các chủ sử dụng đất giáp ranh trong đó có ông Nh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn B trình bày: Nguyên vào năm 1990, cha mẹ ông là cụ Nguyễn Văn Thiệu và cụ Nguyễn Thị Tuyết có bán cho ông L một phần đất thổ cư có diện tích 500m², tọa lạc ấp Vĩnh H A, xã Cần Đ, huyện C2 Th, tỉnh An Giang trị giá 03 chỉ vàng 24 kara. Lúc này cha mẹ ông đang bệnh nặng, cần tiền chạy chữa nên theo yêu cầu của cha mẹ ông thì ông đã đứng ra thay mặt cha mẹ ký tên sang nhượng phần đất này cho ông L, bà Th1 có sự chứng kiến của cha mẹ ông. Đến ngày 18/8/1993, ông và ông L, bà Th1 làm giấy tay sang nhượng, có sự chứng kiến của bà Ngô Thị Tồn, ông Trần Văn Nhựt, ông Lê Văn Sĩ. Ngày 16/3/2000 ông L, bà Th1 được UBND huyện C2 Th cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05480 QSDĐ/dG. Ông L và bà Th1 đã cất nhà ở ổn định từ năm 1993 cho đến nay. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông Nh và bà K, ông có ý kiến đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Nh, bà K. Do đất ông L, bà Th1 mua hợp pháp và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với các cây trồng là do ông đón theo yêu cầu của bà Tuyết để giao đất cho ông L, số lượng cây đón là không đúng, ông chỉ đón 01 cây vú sữa đường kính 2 tấc, 01 cây cà na đường kính 2 tấc, 01 cây trâm bầu đường kính 2 tấc, các loại cây khác ông không đón.

Bà Nguyễn Thị Th1 trình bày: Vào ngày 18/8/1993, vợ chồng bà và ông Ngô Văn L có thỏa thuận mua một phần đất thổ cư của cụ Nguyễn Văn Thiệu và cụ Nguyễn Thị Tuyết cùng với người con là ông Nguyễn Văn B diện tích 500m², hiện trạng là hầm cạn, tọa lạc ấp Vĩnh H A, xã Cần Đ, huyện C2 Th, tỉnh An Giang trị giá 03 chỉ vàng 24 kara. Bà là người trực tiếp thương lượng mua bán và làm giấy tay với ông B, có sự chứng kiến của bà Ngô Thị Tồn, ông Trần Văn Nhựt, ông Lê Văn Sĩ. Ngày 16/3/2000, bà và ông L được UBND huyện C2 Th cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05480.QSDĐ/dG. Nay ông Nh, bà K khởi kiện yêu cầu ông L tháo dỡ nhà trả lại đất; Yêu cầu ông L bồi thường thiệt hại 15 cây lâu năm ông L đã đón với tổng số tiền 37.600.000đ bà không có ý kiến. Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông bà thì bà không đồng ý. Quá trình mua đất đã cất nhà ở ổn định từ năm 1993 cho đến nay không có tranh chấp nên ông bà đã K khai, đo đạc, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật có sự ký tên của các chủ sử dụng đất giáp ranh trong đó có ông Nh.

Ông Nguyễn Văn X trình bày: Cha mẹ ông là cụ Nguyễn Văn Thiệu và cụ Nguyễn Thị Tuyết có tất cả 6 người con gồm: Bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn X và ông Nguyễn Văn Nh. Cụ Thiệu chết năm 1990, cụ Tuyết chết năm 1992. Thừa cơ hội ông Nh, bà K đóng cửa nhà bồng chống vợ con xuống ghe đi làm ăn xa, ở nhà ông B tự ý chiếm cứ 510m² đất bán cho ông L. Ngày 13/3/1993, ông B xác lập Tờ sang nhượng đất thổ cư cho ông L có 2 nhân chứng và được Tổ trưởng là ông Trần

Văn Sĩ xác nhận ngày 12/5/1996. Các anh chị em ông không ký tên trong Tờ sang nhượng đất thổ cư, vì việc mua bán đất này là trái pháp luật.

Bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà là chị ruột của ông Nh. Nguồn gốc đất tranh chấp là do ông L mua lại của cha mẹ bà là cụ Thiều và cụ Tuyết vào năm 1990. Lúc này em bà là ông B đang nuôi cha mẹ bà tại nhà ông Nh đang sinh sống hiện nay. Giá bán là 03 chỉ vàng dùng để lo cho cha mẹ bệnh. Khi mua bán chỉ nói miệng sau này mới làm giấy tay có ông B đứng ra ký tên. Bà có biết việc cha mẹ bà bán đất cho ông L, bà không tranh chấp vì đó là đất của cha mẹ. Khi cha mẹ bán đất cho ông L thì anh chị em bà không biết, sau khi bán cha mẹ mới cho anh chị em bà biết và cũng không ai tranh chấp. Ông Nh sinh ra ở Cần Đ, lớn lên có vợ về sống bên vợ tại xã Bình H, sau đó về kênh Quýt sinh sống. Sau khi cha mẹ chết khoảng 02 năm chị S mới kêu ông Nh về nhà cha mẹ sinh sống vì lúc này ông B đã về nhà riêng ở kênh B1 sinh sống.

Tại Công văn số 334/UBND-NC ngày 15/5/2018 Ủy ban nhân dân huyện C2 Th trình bày: Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05480/QSDĐ/dG ngày 16/3/2000 cho hộ ông Ngô Văn L, thửa đất số 25, thuộc tờ bản đồ số 40, diện tích 411,6m², mục đích sử dụng thổ cư, khu đất tọa lạc tại ấp H A, xã Cần Đ, Ủy ban nhân dân huyện C2 Th đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật Đất đai năm 1993 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai được Quốc hội thông qua ngày 02/12/1998; Quyết định số 283/1999/QĐ-UB ngày 13/02/1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành bản quy định về trình tự và thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất chuyên dùng, đất vườn tại nông thôn. Hồ sơ gồm có: Đơn xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ Ngô Văn L và Nguyễn Thị Th1; Biên bản xác định ranh giới- mốc giới khu đất đã được các hộ kế cận thống nhất ký tên; Hồ sơ kỹ thuật khu đất; Biên bản số 05/BBKT ngày 15/3/2000 về việc kiểm tra hồ sơ đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Danh sách các hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký; Thông báo về việc công khai hồ sơ đăng ký đất; Biên bản về việc kết thúc công khai hồ sơ khu đất; Quyết định 1218/QĐ.UB ngày 16/3/2000 của UBND huyện C2 Th về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

UBND huyện đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định, nội dung tranh chấp giữa các bên, UBND huyện C2 Th không có ý kiến. Do bận nhiệm vụ công tác của địa phương nên UBND huyện C2 Th xin được phép vắng mặt trong quá trình xét xử.

Bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn Lă, bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị Thu E, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn Tu, bà Nguyễn Thị S, chị Ngô Thị C1, chị Ngô Thị Bé Ch1, bà Nguyễn Thị N không cung cấp lời khai và chứng cứ cho Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 48/2019/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C2 Th, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Nh, bà Đặng Thị K về việc:

Yêu cầu ông Ngô Văn L tháo dỡ nhà trả lại đất có diện tích 411,6m² tại các điểm 10, 11, 42 và 54 của Bản đồ hiện trạng ngày 01/7/2016 của Văn Phòng Đăng ký đất đai chi nhánh C2 Th. Đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa số Q063093, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05480.QSDĐ/dG do UBND huyện C2 Th cấp ngày 16/3/2000 đứng tên Hộ Ngô Văn L, thửa đất số 25, tờ bản đồ số 40, diện tích 411,6m², mục đích sử dụng: Thổ cư. Đất tọa lạc ấp H A, xã Cần Đ, huyện C2 Th, tỉnh An Giang.

Yêu cầu bồi thường thiệt hại 15 cây lâu năm ông Ngô Văn L đã đồn với tổng số tiền là 37.600.000đ (ba mươi B triệu sáu trăm ngàn đồng);

Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa số Q063093, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05480.QSDĐ/dG do UBND huyện C2 Th cấp ngày 16/3/2000 đứng tên Hộ Ngô Văn L, thửa đất số 25, tờ bản đồ số 40, diện tích 411,6m², mục đích sử dụng: Thổ cư. Đất tọa lạc ấp H A, xã Cần Đ, huyện C2 Th, tỉnh An Giang.

Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Nh, bà Đặng Thị K phải chịu 1.625.000đ chi phí đo đạc, 5.425.000đ chi phí giám định và 3.000.000đ chi phí thẩm định giá tài sản. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Nh đã nộp xong.

Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Nh, bà Đặng Thị K phải chịu 2.080.000đ án phí dân sự sơ thẩm (200.000đ án phí tranh chấp quyền sử dụng đất và 1.880.000đ án phí bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm), được khấu trừ vào 1.720.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000039 ngày 06/01/2016. Ông Nguyễn Văn Nh, bà Đặng Thị K còn phải nộp thêm 360.000đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 5 năm 2019 ông Nguyễn Văn Nh và bà Đặng Thị K nộp Đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm tuyên hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2019/DS-ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện C2 Th, vì cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Nh và bà Đặng Thị K đề xuất áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Nh và bà Đặng Thị K, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2019/DS-ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện C2 Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn Nh và bà Đặng Thị K kháng cáo trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Nh và bà K theo trình tự phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn Lă, bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị Thu E, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn Tu, bà Nguyễn Thị S, chị Ngô Thị C1, chị Ngô Thị Bé Ch1, bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Ủy ban nhân dân huyện C2 Th có yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Nh và bà Đặng Thị K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và đề nghị cấp phúc thẩm tuyên hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2019/DS-ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện C2 Th, vì cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

[3] Xét kháng cáo của ông Nh và bà K, về nguồn gốc phần đất diện tích 411,6m², thửa đất số 25, tờ bản đồ số 40, mục đích sử dụng đất thổ cư, tọa lạc ấp H A, xã Cần Đ, huyện C2 Th, tỉnh An Giang là của cụ Thiệu và cụ Tuyết để lại. Ngày 18/8/1993 ông B và ông L cùng ký kết Tờ sang nhượng đất thổ cư có ông Trần Văn Nhựt, bà Ngô Thị Tồn và tổ trưởng là ông Trần Văn Sĩ cùng ký tên chứng kiến, nội dung hai bên thỏa thuận ông B chuyển nhượng cho ông L phần đất diện tích 500m² trị giá 03 chỉ vàng. Sau đó ông B đã giao đất cho ông L, bà Th1 cất nhà sử dụng ổn định, công khai, liên tục từ năm 1993 đến nay, hàng năm đều nộp thuế đất cho Nhà nước theo quy định và những người thừa kế của cụ Thiệu và cụ Tuyết đều biết và không phản đối. Quá trình sử dụng ông L đã kê khai đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã được UBND huyện C2 Th cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05480.QSDĐ/dG ngày 16/3/2000 cho hộ ông L. Bà N và ông B trình bày vào năm 1990 ông L mua đất của cha mẹ là cụ Thiệu và cụ Tuyết, lúc này ông B đang nuôi cha mẹ tại nhà ông Nh đang sinh sống hiện nay với giá là 03 chỉ vàng dùng để điều trị bệnh cho cha mẹ. Ông Nh và bà K yêu cầu ông L, bà Th1 phải tháo dỡ, di dời nhà để trả lại phần đất diện tích 411,6m² nhưng ông L không đồng ý. Ngoài lời trình bày ra ông Nh và bà K không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh được cụ Thiệu và cụ Tuyết cho phần đất này. Do đó, án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nh và bà K là có căn cứ.

[4] Về yêu cầu của ông Nh, bà K yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05480.QSĐĐ/dG ngày 16/3/2000 cấp cho hộ L. Căn cứ Công văn số 207/UBND-NC ngày 03/4/2019 của UBND huyện C2 Th và Hồ sơ địa chính do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất- Phòng Tài nguyên và môi trường huyện C2 Th cung cấp thể hiện vào ngày 04/11/1999 ông L có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, ngày 22/12/1999 UBND xã Cần Đ, huyện C2 Th duyệt cấp và ngày 15/3/2000 Phòng địa chính huyện C2 Th đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Biên bản xác định ranh giới- mốc giới khu đất ngày 30/8/1999 có các chủ sử dụng đất giáp ranh là ông Nguyễn Văn Nh, ông Trần Văn Nhứt ký tên và được UBND xã Cần Đ, huyện C2 Th xác nhận nên UBND huyện C2 Th cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05480 QSĐĐ/dG ngày 16/3/2000 cho hộ ông L được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Mặc dù, ông Nh không thừa nhận có ký tên tại Biên bản xác định ranh giới- mốc giới khu đất ngày 30/8/1999 nhưng tại Kết luận giám định số 467/KLGD-PC54 ngày 10/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang đã kết luận chữ ký trên tài liệu cần giám định và chữ ký trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký ra và tại Kết luận giám định số 4521/C09B ngày 24/12/2018 do Phân viện khoa học hình sự tại TP. Hồ Chí Minh đã kết luận không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Nguyễn Văn Nh trên tài liệu cần giám định “Biên bản xác định ranh giới- mốc giới khu đất” ngày 30/8/1999 so với chữ viết đứng tên Nguyễn Văn Nh trên tài liệu mẫu so sánh là có phải do cùng một người ký ra hay không. Do ông Nh, bà K không cung cấp được chứng cứ chứng minh phần đất diện tích 411,6m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình nên án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nh, bà K yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng số 05480 QSĐĐ/dG ngày 16/3/2000 cấp cho hộ ông L là có căn cứ.

[5] Về yêu cầu của ông Nh, bà K yêu cầu ông L bồi thường thiệt hại đối với cây trồng trên đất do trượt giá tăng gấp đôi với số tiền 37.600.000đ. Xét thấy ông Nh, bà K không cung cấp được chứng cứ chứng minh đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông bà và các cây trồng do ông Nh, bà K trồng mà ông L đồn (chặt) mà chính ông B thừa nhận ông là người đồn (chặt) cây trồng trên đất nhưng ông Nh, bà K không yêu cầu ông B phải bồi thường thiệt hại. Do đó, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nh, bà K yêu cầu ông L bồi thường thiệt hại số tiền 37.600.000đ là có căn cứ.

Ngoài ra, ông Nh cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như không công bố kết luận giám định và thời hạn tạm ngừng phiên tòa quá 30 ngày. Tuy nhiên, tại Biên bản phiên tòa ngày 19/4/2019 thể hiện Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã công bố 9 tài liệu chứng cứ đã thu thập được sau khi ngừng phiên tòa, trong đó có Kết luận giám định số 4521/C09B ngày 24/12/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại TP. Hồ Chí Minh. Về thời hạn tạm ngừng phiên tòa thể hiện xét xử lần thứ nhất vào ngày 22/3/2019 và xét xử lần hai vào ngày 19/4/2019 là không quá 30 ngày. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm theo yêu cầu của ông Nh, bà K.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên được giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nh và bà K. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2019/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C2 Th như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

[6] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của ông Nh và bà K không được chấp nhận nên các ông bà phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 168, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Nh và bà Đặng Thị K. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2019/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C2 Th, tỉnh An Giang.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Nh và bà Đặng Thị K yêu cầu ông Ngô Văn L phải tháo dỡ, di dời nhà để trả lại phần đất diện tích 411,6m², thửa đất số 25, tờ bản đồ số 40, mục đích sử dụng đất thổ cư, tọa lạc tại ấp H A, xã Cần Đ, huyện C2 Th, tỉnh An Giang theo Bản đồ hiện trạng do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh C2 Th lập ngày 01/7/2016 được giới hạn bởi các điểm 10, 11, 42 và 54. Đất đã được UBND huyện C2 Th cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05480.QSDĐ/dG ngày 16/3/2000 cấp cho hộ ông Ngô Văn L.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Nh và bà Đặng Thị K yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05480.QSDĐ/dG ngày 16/3/2000 cấp cho hộ ông Ngô Văn L.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Nh và bà Đặng Thị K yêu cầu ông Ngô Văn L bồi thường thiệt hại số tiền 37.600.000đ.

6. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn Nh và bà Đặng Thị K phải nộp 10.050.000đ chi phí giám định, đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

7. Về án phí:

7.1. Ông Nguyễn Văn Nh và bà Đặng Thị K phải nộp 2.080.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào 1.720.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000039 ngày 06/01/2016 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện C2 Th nên ông Nh và bà K còn phải nộp thêm 360.000đ (Ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

7.2. Ông Nguyễn Văn Nh và bà Đặng Thị K phải nộp 600.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Án phí được khấu trừ vào 600.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014189 và số 0014190 cùng ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C2 Th.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.C2 Th;
- TAND H.C2 Th
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Minh Lễ

Đào Chí Keo

Trần Thị Thúy Hà

